

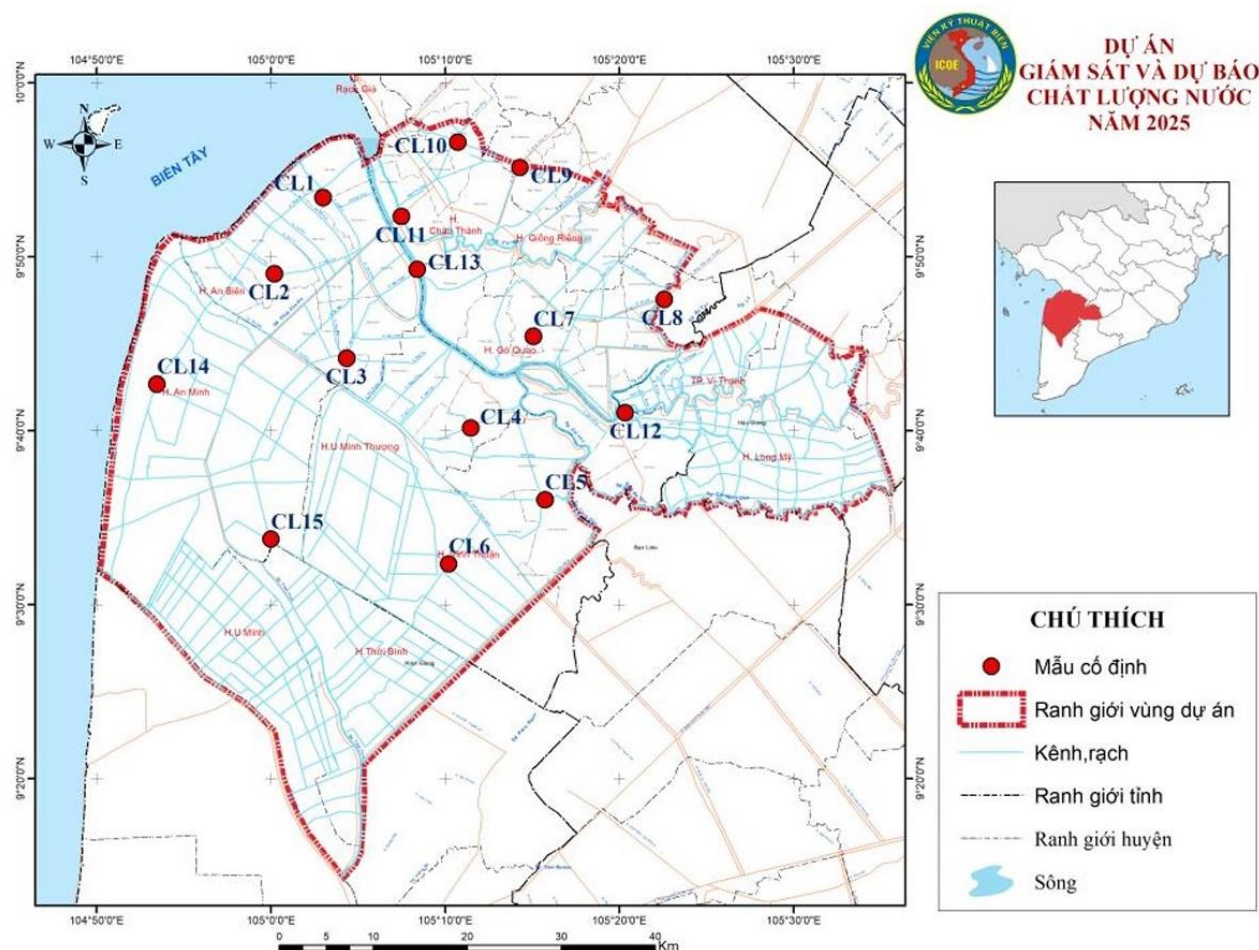
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 04 năm 2025

BẢN TIN TUẦN KỲ 6

“Đợt đo ngày 29/03/2025, dự báo từ ngày 11/04/2025 đến 17/04/2025”

1. Vị trí dự báo chất lượng nước từ ngày 11/04/2025 đến 17/04/2025

Nhiệm vụ quan trắc tại 15 vị trí phục vụ giám sát, dự báo chất lượng nước được trình bày trong Hình 1.



Hình 1. Sơ đồ vị trí các điểm giám sát chất lượng nước năm 2025

2. Dự báo chất lượng nước ngày 11/04/2025 đến 17/04/2025

Kết quả dự báo 4 chỉ tiêu chính bao gồm: Độ mặn, DO, BOD₅, T-N từ ngày 11/04/2025 đến 17/04/2025 được thể hiện qua các Bảng 1 đến Bảng 4 như sau:

2.1. Độ mặn

Độ mặn dự báo từ 11/04/2025 đến 17/04/2025 dao động đáng kể giữa các vị trí quan trắc (Bảng 1). Các vị trí CL1, CL2, CL6, CL11, CL14 và CL15 dự kiến sẽ có độ mặn trên 4‰. Đặc biệt, CL2, CL14 và CL15 duy trì độ mặn cao với giá trị cực đại dự báo **26,39‰**. Các vị trí CL7, CL8, CL9, CL10 và CL12 được dự báo có độ mặn dưới 1‰. Các vị trí CL3, CL4 và CL5 có độ mặn trung bình (1‰ ÷ 4‰).

Bảng 1. Giá trị dự báo độ mặn tại các điểm giám sát từ 11/04/2025 đến 17/04/2025

Kí hiệu	Độ mặn dự báo (‰)								
	11/04	12/04	13/04	14/04	15/04	16/04	17/04	Min	Max
CL1	14,56	14,59	14,74	14,92	15,15	15,37	15,52	14,56	15,52
CL2	24,24	24,17	24,07	23,16	22,43	21,84	21,81	21,81	24,24
CL3	7,76	8,07	8,16	8,14	8,00	7,26	7,36	7,26	8,16
CL4	2,56	2,66	2,15	1,87	1,90	2,17	2,39	1,87	2,66
CL5	2,80	2,27	2,02	2,19	2,42	2,74	3,25	2,02	3,25
CL6	10,61	10,56	10,56	10,63	10,76	10,79	10,79	10,56	10,79
CL7	0,49	0,49	0,58	0,54	0,50	0,46	0,40	0,40	0,58
CL8	0,17	0,09	0,09	0,11	0,07	0,20	0,11	0,07	0,20
CL9	0,01	0,01	0,19	0,01	0,09	0,08	0,08	0,01	0,19
CL10	0,10	0,20	0,08	0,03	0,07	0,21	0,09	0,03	0,21
CL11	3,93	3,07	2,87	3,14	3,26	3,67	4,83	2,87	4,83
CL12	0,49	0,49	0,49	0,49	0,49	0,49	0,49	0,49	0,49
CL13	7,47	7,77	8,07	8,13	7,90	7,56	7,29	7,29	8,13
CL14	26,39	26,39	26,37	26,35	26,34	26,34	26,33	26,33	26,39
CL15	24,84	25,75	26,09	25,70	24,92	24,20	23,66	23,66	26,09
Ranh mặn	< 1‰	1‰ ÷ 4‰		> 4‰					

2.2. Oxy hòa tan (DO)

Hàm lượng DO dự báo trong tuần này nhìn chung vẫn ở mức tương đối tốt, dao động từ 5,02 mgO₂/l đến 6,32 mgO₂/l, cơ bản đạt Mức B ($\geq 5,0$ mgO₂/l) theo QCVN 08:2023/BTNMT (Bảng 2). Hầu hết các vị trí đều duy trì mức DO trên 5,0 mgO₂/l. Một vài vị trí có giá trị DO thấp nhất trong khoảng dự báo gần với ngưỡng B, ví dụ như CL1 (min 5,02 mgO₂/l) và CL7 (min 5,08 mgO₂/l).

Bảng 2. Giá trị dự báo DO tại các điểm giám sát từ 11/04/2025 đến 17/04/2025

Kí hiệu	DO dự báo (mgO2/l)								
	11/04	12/04	13/04	14/04	15/04	16/04	17/04	Min	Max
CL1	5,13	5,02	5,02	5,10	5,18	5,21	5,21	5,02	5,21
CL2	6,27	6,19	6,16	6,18	6,23	6,28	6,32	6,16	6,32
CL3	5,75	5,76	5,76	5,73	5,68	5,64	5,60	5,60	5,76
CL4	5,22	5,26	5,28	5,34	5,39	5,44	5,44	5,22	5,44
CL5	6,10	6,10	6,11	6,11	6,11	6,13	6,17	6,10	6,17
CL6	5,44	5,65	5,69	5,73	5,76	5,77	5,74	5,44	5,77
CL7	5,15	5,16	5,15	5,12	5,10	5,08	5,08	5,08	5,16
CL8	5,68	5,68	5,66	5,64	5,65	5,67	5,68	5,64	5,68
CL9	5,69	5,71	5,71	5,69	5,63	5,58	5,54	5,54	5,71
CL10	5,71	5,72	5,74	5,73	5,71	5,67	5,65	5,65	5,74
CL11	5,62	5,32	5,12	5,07	5,11	5,18	5,23	5,07	5,62
CL12	6,18	6,14	6,08	6,08	6,08	6,08	6,06	6,06	6,18
CL13	5,94	5,95	5,94	5,94	5,94	5,95	5,96	5,94	5,96
CL14	5,65	5,63	5,61	5,63	5,64	5,67	5,70	5,61	5,70
CL15	5,98	5,98	5,98	5,99	5,99	5,99	5,99	5,98	5,99
QCVN 08:2023 (Bảng 2)	Đạt Mức A: ≥ 6,0			Đạt Mức B: ≥ 5,0			Không đạt Mức B: < 5,0		
Khuyến cáo	Từ ngày 11/04/2025 đến 17/04/2025, dự báo DO cho thấy nguồn nước có đủ oxy hòa tan cho các hoạt động thủy sinh và nuôi trồng thủy sản ở hầu hết các vị trí.								

2.3. Nhu cầu Oxy sinh hóa (BOD₅)

Hàm lượng BOD₅ dự báo tại Hệ thống Công trình Thủy lợi CLCB dao động từ 8,05 mgO₂/l đến 19,30 mgO₂/l, vượt xa ngưỡng B (≤ 6 mgO₂/l) theo QCVN 08:2023/BTNMT tại tất cả các điểm quan trắc (Bảng 3).

Bảng 3. Giá trị dự báo BOD₅ tại các điểm giám sát từ 11/04/2025 đến 17/04/2025

Kí hiệu	BOD5 (mgO2/l)								
	11/04	12/04	13/04	14/04	15/04	16/04	17/04	Min	Max
CL1	8,49	8,80	9,04	9,06	9,02	9,41	9,67	8,49	9,67
CL2	8,05	8,12	8,25	8,20	8,16	8,12	8,09	8,05	8,25
CL3	12,12	12,67	13,31	13,80	13,75	13,54	13,67	12,12	13,80
CL4	12,16	11,91	11,58	11,38	11,35	11,42	11,54	11,35	12,16
CL5	12,06	13,28	12,76	12,76	12,79	12,76	12,71	12,06	13,28
CL6	8,70	8,91	8,94	8,90	8,85	8,78	8,74	8,70	8,94
CL7	8,30	8,39	8,59	8,96	9,15	9,23	9,13	8,30	9,23
CL8	10,18	10,09	9,98	9,86	9,75	9,71	9,72	9,71	10,18
CL9	13,29	13,18	13,70	14,22	15,01	15,87	16,05	13,18	16,05
CL10	16,47	16,80	17,68	17,96	18,40	18,86	19,30	16,47	19,30
CL11	17,97	16,36	15,16	14,32	13,88	13,63	13,55	13,55	17,97
CL12	10,82	10,93	11,13	11,14	11,16	11,20	11,27	10,82	11,27
CL13	8,69	8,61	8,49	8,45	8,54	8,66	8,70	8,45	8,70
CL14	10,19	10,29	10,38	10,42	10,41	10,37	10,32	10,19	10,42
CL15	8,20	8,21	8,21	8,22	8,23	8,25	8,26	8,20	8,26
QCVN 08:2023 (Bảng 2)	Đạt Mức A: ≤ 4			Đạt Mức B: ≤ 6			Không đạt Mức B: > 6		
Khuyến cáo	Hàm lượng Nhu cầu Oxy sinh hóa (BOD5) dự báo từ ngày 11/04/2025 đến 17/04/2025 cho thấy tình trạng ô nhiễm hữu cơ tiếp tục diễn ra trong Hệ thống Công trình Thủy lợi CLCB. Các vị trí như CL3, CL4, CL5, CL9, CL10 và CL11 vẫn duy trì mức BOD5 cao, cho thấy mức độ ô nhiễm hữu cơ cần được lưu ý ở các khu vực này.								

2.4. Ni tơ Tổng (T-N)

Kết quả tính toán dự báo cho thấy nồng độ tổng Nitơ trong HTCTTL CLCB dao động từ 0,92 mg/l đến 8,07 mg/l (Bảng 4). Chỉ có vị trí CL2, CL12 và CL13 được dự báo có nồng độ T-N nằm trong hoặc gần ngưỡng B. Các vị trí khác như CL1, CL3, CL4, CL5, CL6, CL7, đặc biệt là CL9, CL10 và CL11 có giá trị T-N dự báo cao.

Bảng 4. Giá trị dự báo T-N tại các điểm giám sát từ 11/04/2025 đến 17/04/2025

Kí hiệu	T-N (mg/l)								
	11/04	12/04	13/04	14/04	15/04	16/04	17/04	Min	Max
CL1	3,16	3,08	2,98	2,90	2,81	2,74	2,70	2,70	3,16
CL2	0,96	0,94	0,93	0,92	0,92	0,92	0,93	0,92	0,96
CL3	2,51	2,55	2,58	2,59	2,61	2,65	2,70	2,51	2,70
CL4	3,05	3,14	3,15	3,08	3,01	2,93	2,87	2,87	3,15
CL5	3,89	3,88	3,90	3,88	3,78	3,70	3,61	3,61	3,90
CL6	3,50	3,45	3,47	3,54	3,60	3,64	3,70	3,45	3,70
CL7	2,16	2,22	2,28	2,32	2,36	2,39	2,39	2,16	2,39
CL8	1,86	2,03	2,14	2,15	2,13	2,13	2,15	1,86	2,15
CL9	5,87	5,77	5,32	4,33	4,45	4,94	5,50	4,33	5,87
CL10	3,37	3,54	3,82	3,87	3,59	4,20	4,21	3,37	4,21
CL11	7,93	8,01	8,07	8,07	8,07	7,97	7,72	7,72	8,07
CL12	1,26	1,26	1,26	1,29	1,35	1,40	1,44	1,26	1,44
CL13	1,42	1,44	1,44	1,43	1,40	1,36	1,32	1,32	1,44
CL14	1,87	1,87	1,92	1,99	2,05	2,10	2,15	1,87	2,15
CL15	1,77	1,79	1,80	1,83	1,87	1,91	1,97	1,77	1,97
QCVN 08:2023 (Bảng 2)	Đạt Mức A: ≤ 0,6			Đạt Mức B: ≤ 1,5			Không đạt Mức B: > 1,5		
Khuyến cáo	Kết quả dự báo cho thấy nồng độ Tổng Nitơ (T-N) từ ngày 11/04/2025 đến 17/04/2025 vẫn ở mức cao và vượt ngưỡng B (≤ 1,5 mg/l) theo QCVN 08:2023/BTNMT ở hầu hết các vị trí. Giá trị TN cao ở các khu vực đông dân cư, khu canh tác... có thể gây ảnh hưởng xấu đến môi trường nước và hoạt động sản xuất.								

Khuyến nghị chung:

- Độ mặn tiếp tục có sự phân hóa rõ rệt trong hệ thống thủy lợi Cái Lớn – Cái Bé. Khu vực ven biển có độ mặn cao, thuận lợi cho nuôi trồng thủy sản, trong khi khu vực nội đồng duy trì độ mặn thấp, phù hợp cho nông nghiệp. Vẫn có những khu vực độ mặn dao động ở mức trung bình. Người dân, đặc biệt ở các khu vực có độ mặn thay đổi (CL3, CL4, CL5), cần theo dõi chặt chẽ độ mặn hàng ngày để có biện pháp lấy nước phù hợp cho mục đích sử dụng.
- Mặc dù DO được dự báo tốt, người dân vẫn nên tiếp tục theo dõi nồng độ DO, đặc biệt tại các vị trí đã từng có DO thấp hơn trong các kỳ trước (như CL3, CL8, CL10 theo Bản tin tuần Kỳ 3), và có biện pháp bổ sung oxy (sục khí) cho các ao nuôi thủy sản khi cần thiết.
- Tình trạng ô nhiễm hữu cơ, thể hiện qua giá trị BOD5 vượt ngưỡng tại các vị trí giám sát, là một vấn đề đáng lưu ý trong hệ thống thủy lợi Cái Lớn – Cái Bé.
- Giá trị tổng Nitơ (TN) cao thường xảy ra ở các khu vực tập trung đông dân cư, các khu canh tác... có thể ảnh hưởng đến chất lượng môi trường nước và hoạt động sản xuất. Do đó, người dân cần lưu ý và có biện pháp xử lý nước trước khi sử dụng cho nuôi trồng thủy sản để tránh các tác động xấu đến tôm, cá.

Nơi nhận

- Lãnh đạo Bộ (để b/c);
- Lãnh đạo Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi (để b/c);
- Lãnh đạo Sở NN&MT, CTTL các tỉnh Kiên Giang và Hậu Giang, Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi miền Nam;
- Các Cục, Vụ liên quan thuộc Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi (để b/c);
- Webgis Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi, Website Viện Kỹ thuật Biển (để b/c);
- Lưu TT TNB&ĐB


VIỆN TRƯỞNG
Phạm Văn Tùng